

# Đàm phán Hiệp định Thương mại Xuyên Thái Bình Dương – TPP Cơ hội và Thách thức đối với Việt Nam

## The Trans-Pacific Partnership Negotiations Opportunities and Challenges for Vietnam

Đơn vị tổ chức

Sponsored by:

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam VCCI

and

Miller & Chevalier Chartered

# Trans-Pacific Partnership Negotiations

# Đàm phán Hiệp định Thương mại Xuyên Thái Bình Dương (TPP)

## OUTLINE

- I. Overview of the TPP Negotiations
- II. U.S. Negotiating Objectives
- III. TPP Negotiations in the Context of U.S. Trade Policy
- IV. Key Challenges for Vietnam
- V. Opportunities for Vietnam in the TPP Negotiations
- VI. Opportunities for Vietnamese Exports
- VII. Key Trade Statistics among TPP Countries
- VIII. Conclusions

## NỘI DUNG

- I. Tổng quan về TPP
- II. Mục tiêu của Hoa Kỳ trong Đàm phán TPP
- III. Bối cảnh Chính sách Thương mại Hoa Kỳ khi đàm phán TPP
- IV. Những thách thức chủ yếu đối với Việt Nam
- V. Những cơ hội đối với Việt Nam trong Đàm phán TPP
- VI. Những cơ hội đối với các ngành xuất khẩu của Việt Nam
- VII. Thống kê Thương mại giữa các nước TPP
- VIII. Kết luận

# Trans-Pacific Partnership Negotiations

## I. Overview of the TPP Negotiations

- ❖ Based on the Trans-Pacific Economic Strategic Partnership Agreement concluded in **2005**, a.k.a. “P-4 Agreement”.
- ❖ **2007**- U.S. approached by P-4 countries and exploratory discussions begin.
- ❖ **2008**- U.S. attends P-4 negotiations on Investment and Financial Services

# Đàm phán Hiệp định Thương mại Xuyên Thái Bình Dương (TPP)

## I. Tổng quan về quá trình đàm phán Hiệp định TPP

- ❖ Nền tảng là Hiệp định Đối tác Kinh tế chiến lược Xuyên Thái Bình Dương được ký kết năm **2005**, còn gọi là “Hiệp định P-4”
- ❖ **Năm 2007**: Hoa Kỳ bắt đầu tiếp cận và tham gia thảo luận với các nước P-4.
- ❖ **Năm 2008**: Hoa Kỳ tham dự các cuộc đàm phán của P-4 về các dịch vụ tài chính và đầu tư

# Trans-Pacific Partnership Negotiations

# Đàm phán Hiệp định Thương mại Xuyên Thái Bình Dương (TPP)

## I. Overview of the TPP Negotiations

- ❖ **Sep. 2008:** USTR Schwab announces U.S. intention to negotiate a comprehensive FTA with the P-4
- ❖ **Nov. 2008:** US, Australia, Peru and Vietnam announce they will all negotiate with the P-4 countries to conclude a “next generation” trade agreement

## I. Tổng quan về quá trình đàm phán Hiệp định TPP

- ❖ **Tháng 9/2008:** Đại diện Thương mại Hoa Kỳ, bà Schwab thông báo dự định của nước này sẽ tham gia đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do toàn diện với nhóm P-4
- ❖ **Tháng 11/2008:** Hoa Kỳ, Australia, Peru và Việt Nam thông báo sẽ cùng đàm phán với các quốc gia P-4 nhằm đi đến ký kết một Hiệp định Thương mại “thế hệ tiếp theo”

# Trans-Pacific Partnership Negotiations

## I. Overview of the TPP Negotiations

- ❖ **2009:** Start of TPP negotiations delayed
- ❖ **Dec. 2009:** USTR notified Congress of intention to enter into the TPP negotiations
- ❖ **March 2010:** Round 1 in Australia (AUS, Chile, Peru, Singapore, Vietnam, U.S., Brunei, and NZ).
- ❖ **June 2010:** Round 2 in U.S.
- ❖ **October 2010:** Round 3 in Brunei (MYL joins)
- ❖ **December 2010:** Round 4 in New Zealand
- ❖ **2011:** Five rounds already scheduled
- ❖ Notional conclusion **Q4 2011/2012** more likely

# Đàm phán Hiệp định Thương mại Xuyên Thái Bình Dương (TPP)

## I. Tổng quan về quá trình đàm phán Hiệp định TPP

- ❖ **Năm 2009:** Việc khởi động các đàm phán TPP bị trì hoãn
- ❖ **Tháng 12/2009:** Đại diện Thương mại Hoa Kỳ thông báo lên Quốc hội về ý định tham gia vào đàm phán TPP
- ❖ **Tháng 3/2010:** Vòng đàm phán đầu tiên diễn ra tại Australia (Các bên tham gia: Australia, Chi Lê, Peru, Singapore, Việt Nam, Hoa Kỳ, Brunay và New Zealand).
- ❖ **Tháng 6/2010:** Vòng đàm phán thứ hai diễn ra tại Hoa Kỳ
- ❖ **Tháng 10/2010:** Vòng đàm phán thứ ba diễn ra tại Brunei (có thêm Malaysia tham dự)
- ❖ **Tháng 12/2010:** Vòng đàm phán thứ tư dự kiến tổ chức tại New Zealand
- ❖ **Năm 2011:** Năm vòng đàm phán đã được lên kế hoạch
- ❖ Dự kiến đạt được thỏa thuận cơ bản vào **quý 4 2011/2012**

# Trans-Pacific Partnership Negotiations

# Đàm phán Hiệp định Thương mại Xuyên Thái Bình Dương (TPP)

## I. Overview of the TPP Negotiations

Other countries that may join the  
TPP negotiations in the future

- ✓ Canada
- ✓ Japan
- ✓ Thailand
- ✓ Philippines
- ✓ Indonesia

## I. Tổng quan về quá trình đàm phán Hiệp định TPP

Các quốc gia khác có thể tham gia vào  
TPP trong thời gian tới:

- ✓ Canada
- ✓ Nhật Bản
- ✓ Thái Lan
- ✓ Philippines
- ✓ Indonesia

# Trans-Pacific Partnership Negotiations

## II. U.S. Negotiating Objectives

- ❖ High-standard, high-ambition, comprehensive, “next generation” free trade agreement
- ❖ Cross-cutting, horizontal commitments
  - ✓ Regulatory coherence
  - ✓ Competitiveness
  - ✓ SMEs
  - ✓ Supply Chain
  - ✓ Development, but not Special & Differential treatment
- ❖ Broad-based, flexible and expandable regional agreement

# Đàm phán Hiệp định Thương mại Xuyên Thái Bình Dương (TPP)

## II. Mục tiêu của Hoa Kỳ trong Đàm phán TPP

- ❖ Một Hiệp định Thương mại Tự do “thế hệ mới” toàn diện, đầy tham vọng và tiêu chuẩn cao
- ❖ Các cam kết nền, về các vấn đề chung, với những lưu ý đến:
  - ✓ Sự hài hòa trong các quy định
  - ✓ Tính cạnh tranh
  - ✓ Các doanh nghiệp vừa và nhỏ
  - ✓ Chuỗi cung ứng
  - ✓ Trình độ phát triển (nhưng không phải là đối xử đặc biệt và khác biệt cho các nền kinh tế đang/kém phát triển)
- ❖ Một thỏa thuận khu vực mở rộng, linh hoạt và toàn diện

# Trans-Pacific Partnership Negotiations

# Đàm phán Hiệp định Thương mại Xuyên Thái Bình Dương (TPP)

## II. U.S. Negotiating Objectives

- ❖ Platform for economic integration in the Asia-Pacific Region.
- ❖ Advance U.S. economic and foreign policy interests throughout SE Asia.
- ❖ Expand U.S. export markets
- ❖ Avoid being locked out of fastest growing region because of proliferation of regional FTAs that exclude the U.S.
- ❖ Counter China's growing regional and global influence

## II. Mục tiêu của Hoa Kỳ trong Đàm phán TPP

- ❖ Tiền đề cho hội nhập kinh tế với Khu vực Châu Á-Thái Bình Dương
- ❖ Gia tăng lợi ích của Hoa Kỳ trong chính sách kinh tế và đối ngoại với Đông Nam Á
- ❖ Mở rộng thị trường xuất khẩu của Hoa Kỳ
- ❖ Tránh bị đứng ngoài một khu vực có tốc độ phát triển nhanh nhất thế giới do việc gia tăng các Hiệp định Thương mại Tự do trong khu vực này mà không có sự tham gia của Hoa Kỳ
- ❖ Chống lại những ảnh hưởng ngày càng gia tăng của Trung Quốc trong khu vực và trên thế giới



# Trans-Pacific Partnership Negotiations

# Đàm phán Hiệp định Thương mại Xuyên Thái Bình Dương (TPP)

## II. U.S. Negotiating Objectives

### U.S. Challenges in the TPP negotiations

- ❖ Architecture of the TPP relative to existing U.S. FTAs with TPP countries
  - ✓ Constraints on U.S. negotiators
  - ✓ Revisiting aspects of existing bilateral FTAs
  - ✓ Market access, rules of origin
    - Bilateral schedules
    - Multilateral schedules
- ❖ USTR's avoidance of "free trade" to describe the TPP negotiations; accident or intentional?
- ❖ Absence of "fast track" authority; not a near-term necessity

## II. Mục tiêu của Hoa Kỳ trong Đàm phán TPP

### Thách thức đối với Hoa Kỳ trong đàm phán TPP

- ❖ Mối quan hệ giữa TPP với các FTA hiện tại mà Hoa Kỳ đang có với các nước đàm phán TPP
  - ✓ Những ràng buộc đối với các nhà đàm phán của Hoa Kỳ
  - ✓ Rà soát các khía cạnh của các FTA song phương hiện tại
  - ✓ Tiếp cận thị trường, quy tắc xuất xứ
    - Lộ trình song phương
    - Lộ trình đa phương
- ❖ Việc Đại diện TM Hoa Kỳ né tránh sử dụng cụm từ "thương mại tự do" để miêu tả đàm phán TPP là vô tình hay cố ý?
- ❖ Không được áp dụng thủ tục "ký kết nhanh" cho TPP (TPP sẽ phải được Nghị viện Hoa Kỳ thông qua) do đây không phải là một yêu cầu cấp bách

# Trans-Pacific Partnership Negotiations

# Đàm phán Hiệp định Thương mại Xuyên Thái Bình Dương (TPP)

## III. TPP Negotiations in Context of U.S. Trade Policy

- ❖ Support for free trade at all-time low
- ❖ Period of broad-based skepticism to outright antagonism
- ❖ High unemployment, trade blamed
- ❖ China-related trade policies biggest trade issue
  - Currency undervaluation/subsidization/
  - Indigenous Innovation
  - Section 301 petition

## III. Bối cảnh Chính sách Thương mại Hoa Kỳ trong đàm phán TPP

- ❖ Sự ủng hộ đối với tự do thương mại luôn ở mức thấp
- ❖ Chủ nghĩa hoài nghi toàn diện đang chuyển dần sang chủ nghĩa đối kháng toàn bộ
- ❖ Tỷ lệ thất nghiệp cao, đổ lỗi cho thương mại
- ❖ Vấn đề lớn nhất trong chính sách thương mại liên quan tới Trung Quốc:
  - Định giá thấp/trợ cấp tiền tệ
  - Chính sách Khuyến khích sáng chế nội địa
  - Vụ kiện liên quan đến Mục 301 (Các rào cản về tiếp cận thị trường)

**III. TPP Negotiations in Context of  
U.S. Trade Policy**

**Inaction on pending FTAs**

- ❖ S. Korea
- ❖ Colombia
- ❖ Panama

**III. Bối cảnh Chính sách Thương mại  
Hoa Kỳ trong đàm phán TPP**

**Không có động thái gì về các FTA  
còn dang dở với:**

- ❖ Hàn Quốc
- ❖ Colombia
- ❖ Panama

## IV. Key Challenges for Vietnam

- ❖ Reforming labor laws to standards acceptable to TPP members
  - Collective bargaining
  - Right to organize
- ❖ Non-Market Economy (“NME”) status
  - Considered a market economy by some TPP countries and not others

## IV. Thách thức đối với Việt Nam

- ❖ Cải cách luật lao động để đạt các tiêu chuẩn có thể chấp nhận được bởi các thành viên TPP
  - Quyền thương lượng giữa công đoàn và giới chủ
  - Quyền thành lập nghiệp đoàn
- ❖ Quy chế “Nền kinh tế phi thị trường”
  - Chỉ một vài nước TPP công nhận Việt Nam là một nền kinh tế thị trường, các nước còn lại thì không.

## IV. Key Challenges for Vietnam

- ❖ U.S. NME criteria statutory/not discretionary.
  - Currency convertibility
  - Internationally accepted workers rights/free bargaining for wages
  - Foreign investment
  - Government ownership/control of means of production
  - Government control over allocation of resources
  - Other factors

## IV. Thách thức đối với Việt Nam

- ❖ Hoa Kỳ đưa ra một số tiêu chí theo pháp luật (chứ không phải tùy ý) để đánh giá một nước là nền kinh tế thị trường hay không
  - Khả năng chuyển đổi đồng tiền
  - Các quyền lao động được quốc tế chấp nhận/tự do thỏa thuận mức lương
  - Đầu tư nước ngoài
  - Sở hữu/Kiểm soát của nhà nước đối với các tư liệu sản xuất
  - Kiểm soát của nhà nước đối với sự phân bổ các nguồn lực
  - Các nhân tố khác

## Trans-Pacific Partnership Negotiations

### IV. Key Challenges for Vietnam

- ❖ The TPP negotiations will not remove current U.S. AD/CVD measures in place.
  - U.S. import relief measures on separate, domestic administrative track.
- ❖ The TPP negotiations will not constrain U.S. trade remedy measures against dumped or subsidized Vietnamese exports.
- ❖ Risk of future AD/CVD investigations remain
- ❖ U.S. will continue to use the NME methodology in AD cases until Vietnam graduates to ME status.
- ❖ Implementation and capacity constraints

## Đàm phán Hiệp định Thương mại Xuyên Thái Bình Dương (TPP)

### IV. Thách thức đối với Việt Nam

- ❖ TPP sẽ không giúp loại bỏ các biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp mà Hoa Kỳ hiện đang áp dụng.
  - Hoa Kỳ chỉ loại bỏ các biện pháp đó theo các thủ tục hành chính nội địa cụ thể
- ❖ TPP sẽ không giúp hạn chế việc Hoa Kỳ áp dụng các biện pháp phòng vệ đối với hàng xuất khẩu Việt Nam bán phá giá hoặc có trợ cấp.
- ❖ Nguy cơ Hoa Kỳ điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp trong tương lai vẫn tiếp tục
- ❖ Hoa Kỳ sẽ tiếp tục áp dụng phương pháp cho nền kinh tế phi thị trường đối với Việt Nam trong các vụ kiện chống bán phá giá cho tới khi Việt Nam đạt được tiêu chuẩn nền kinh tế thị trường.
- ❖ Hạn chế trong năng lực và thực thi

# Trans-Pacific Partnership Negotiations

# Đàm phán Hiệp định Thương mại Xuyên Thái Bình Dương (TPP)

## IV. Key Challenges for Vietnam

- ❖ Non-Conforming Measures– Vietnam wants to take liberal exceptions from its GATS MFN obligations that the U.S. has thus-far resisted.
- ❖ TRIPS-plus IPR commitments
- ❖ GPA accession
- ❖ Environmental commitments
- ❖ SOEs
- ❖ Tough rules in import-sensitive sectors to minimize leakage (China)
  - Textiles/Apparel: yarn-forward rules, verification, no third country fabrics
  - Agriculture

## IV. Thách thức đối với Việt Nam

- ❖ Các biện pháp không tuân thủ - Việt Nam muốn đạt được các ngoại trừ về nghĩa vụ đối xử tối huệ quốc (MFN) trong GATS mà Hoa Kỳ trước giờ vẫn phản đối.
- ❖ Các cam kết về quyền sở hữu trí tuệ ở mức TRIPS +
- ❖ Tham gia Hiệp định Mua sắm Chính phủ
- ❖ Các cam kết về môi trường
- ❖ Các Doanh nghiệp nhà nước
- ❖ Những quy tắc cứng rắn trong các lĩnh vực nhập khẩu nhạy cảm nhằm giảm thiểu thất thoát thương mại (Trung Quốc)
  - Ngành dệt may: các quy tắc về nguồn vải sợi, thẩm tra, không được sử dụng vải từ nước thứ ba
  - Nông nghiệp

## Trans-Pacific Partnership Negotiations

## Đàm phán Hiệp định Thương mại Xuyên Thái Bình Dương (TPP)

### V. Opportunities for Vietnam in the TPP Negotiations

- ❖ Comprehensive, regional free trade agreement
- ❖ Once-in-generation opportunity to leap forward on:
  - Economic development and boost exports
  - Trade facilitation/supply-chain efficiency
  - Modernize/upgrade services sector
  - Accelerate privatization of SOEs
  - Open procurement market

### V. Cơ hội đối với Việt Nam khi tham gia đàm phán TPP

- ❖ Một Hiệp định Thương mại Tự do Khu vực Toàn diện
- ❖ Một cơ hội tạo bước nhảy vọt:
  - Phát triển kinh tế và đẩy mạnh xuất khẩu
  - Tạo thuận lợi trong thương mại/ hiệu quả trong chuỗi cung ứng
  - Hiện đại hóa/nâng cấp các lĩnh vực dịch vụ
  - Đẩy nhanh quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước
  - Mở cửa thị trường mua sắm



## Trans-Pacific Partnership Negotiations

### V. Opportunities for Vietnam in the TPP Negotiations

- ❖ **Broad scope of TPP will have benefits deep into the Vietnamese economy**
  - Cutting-edge disciplines on:
    - Services (insurance, banking, financial, legal and brokerage)
    - Investment
    - Telecommunications and e-commerce
    - IPR
    - SPS
    - TBT

## Đàm phán Hiệp định Thương mại Xuyên Thái Bình Dương (TPP)

### V. Cơ hội đối với Việt Nam khi tham gia đàm phán TPP

- ❖ **Quy mô rộng lớn của TPP sẽ tạo những lợi ích to lớn cho nền kinh tế Việt Nam**
  - Cam kết về các lĩnh vực quan trọng:
    - Dịch vụ (bảo hiểm, ngân hàng, tài chính, pháp lý và môi giới)
    - Đầu tư
    - Viễn thông và thương mại điện tử
    - Quyền sở hữu trí tuệ
    - Các biện pháp vệ sinh dịch tễ
    - Hàng rào kỹ thuật trong thương mại

## Trans-Pacific Partnership Negotiations

### VI. Opportunities for Vietnamese Exports

- ❖ **Preferential market access to all TPP countries**
  - Reduced duty/duty free for key exports to ALL TPP countries
  - Most near-term market access benefits in sectors with significant current trade (textiles and apparel; footwear).
    - **Aquaculture**
    - **Textiles and Apparel**
    - **Footwear**
    - **Furniture**
  - Tariff reductions on exports to U.S. a tax cut for U.S. importers
  - Access to U.S. services sectors, longer-term benefit

## Đàm phán Hiệp định Thương mại Xuyên Thái Bình Dương (TPP)

### VI. Cơ hội đối với các ngành xuất khẩu của Việt Nam

- ❖ **Thuận lợi trong tiếp cận thị trường tất cả các nước TPP**
  - Giảm thuế/ miễn thuế các sản phẩm xuất khẩu chủ chốt ở tất cả các nước TPP
  - Lợi ích có thể thấy ngay về tiếp cận thị trường đối với các loại hàng hóa hiện đang chiếm tỷ trọng thương mại đáng kể (dệt may, da giày)
    - **Nuôi trồng thủy sản**
    - **Dệt may**
    - **Da giày**
    - **Đồ nội thất**
  - Giảm thuế đối với hàng xuất khẩu sang Hoa Kỳ, cắt giảm thuế đối với nhà nhập khẩu Hoa Kỳ
  - Lợi ích trong dài hạn từ việc tiếp cận các ngành dịch vụ của Hoa Kỳ

# Trans-Pacific Partnership Negotiations

# Đàm phán Hiệp định Thương mại Xuyên Thái Bình Dương (TPP)

## VI. Opportunities for Vietnamese Exports

- ❖ Improvement to import relief practices
  - AD/CVD questionnaires in Vietnamese
  - Working-group on NME graduation
  - Govt-to-govt. consultations in AD and CVD cases (not just CVD)
  - Pledge not to use AD/CVD measures (long shot)
- ❖ Use TBT/SPS TPP commitments to avoid disputes (e.g. basa and tra)

## VI. Cơ hội đối với các ngành xuất khẩu của Việt Nam

- ❖ Cải thiện các biện pháp hạn chế nhập khẩu
  - Các câu hỏi điều tra chống bán phá giá/chống trợ cấp bằng tiếng Việt
  - Nhóm công tác về vấn đề “tốt nghiệp” quy chế nền kinh tế phi thị trường
  - Tham vấn giữa chính phủ với chính phủ về các vụ kiện chống bán phá giá và chống trợ cấp (chứ không chỉ có chống trợ cấp)
  - Cam kết không sử dụng các biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp (ít có khả năng)
- ❖ Sử dụng các cam kết TPP về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại/Các biện pháp vệ sinh dịch tễ để tránh các tranh chấp (ví dụ như vụ cá tra và basa)

### VI. Opportunities for Vietnamese Exports

- ❖ **Aquaculture** (catfish fillets, shrimp and prawns, ect)
  - Exports from Vietnam: \$500 million in 2009
  - U.S. tariffs: Duty free to 6% *ad valorem*
  
- ❖ **Apparel** (Chs 61 and 62)
  - Exports from Vietnam): \$4 billion in 2009
  - U.S. tariffs : Duty free to 32% *ad valorem*, and/or specific tariffs per kg.

### VI. Cơ hội đối với các ngành xuất khẩu của Việt Nam

- ❖ **Nuôi trồng thủy sản** (Cá phi lê, cá da trơn, tôm, v.v)
  - Năm 2009: Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam: 500 triệu USD
  - Thuế của Hoa Kỳ: Khả năng áp thuế từ 0% tới 6% theo trị giá
  
- ❖ **Dệt may** (Chương 61 và 62)
  - Năm 2009: Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam: 4 tỷ USD
  - Thuế của Hoa Kỳ: Khả năng áp thuế từ 0% đến 32% theo trị giá, và/hoặc mức thuế đặc biệt theo kg.

## VI. Opportunities for Vietnamese Exports

- ❖ **Footwear** (6401-6405)
  - Exports from Vietnam: \$1.3 billion in 2009
  - U.S. tariffs: Duty free to 37.5% *ad valorem*, plus specific tariffs
  
- ❖ **Furniture** (9401 and 9403)
  - Exports from Vietnam: \$1.35 billion in 2009
  - U.S. tariffs: Duty free

## VI. Cơ hội đối với các ngành xuất khẩu của Việt Nam

- ❖ **Da giày** (Chương 6401-6405)
  - Năm 2009: Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam là 1,3 tỷ USD
  - Thuế của Hoa Kỳ: Khả năng áp thuế từ 0% tới 37,5% trị giá, cộng với các mức thuế đặc biệt
  
- ❖ **Đồ gỗ** (Chương 9401 và 9403)
  - Năm 2009: Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam là 1,35 tỷ USD
  - Thuế của Hoa Kỳ: miễn thuế

## VI. Opportunities for Vietnamese Exports

- ❖ Gains on tariff reduction/elimination important for footwear and apparel.
- ❖ Aquaculture and furniture already duty free

*Following slides review trade statistics with TPP countries, including statistics on U.S. – Vietnamese trade*

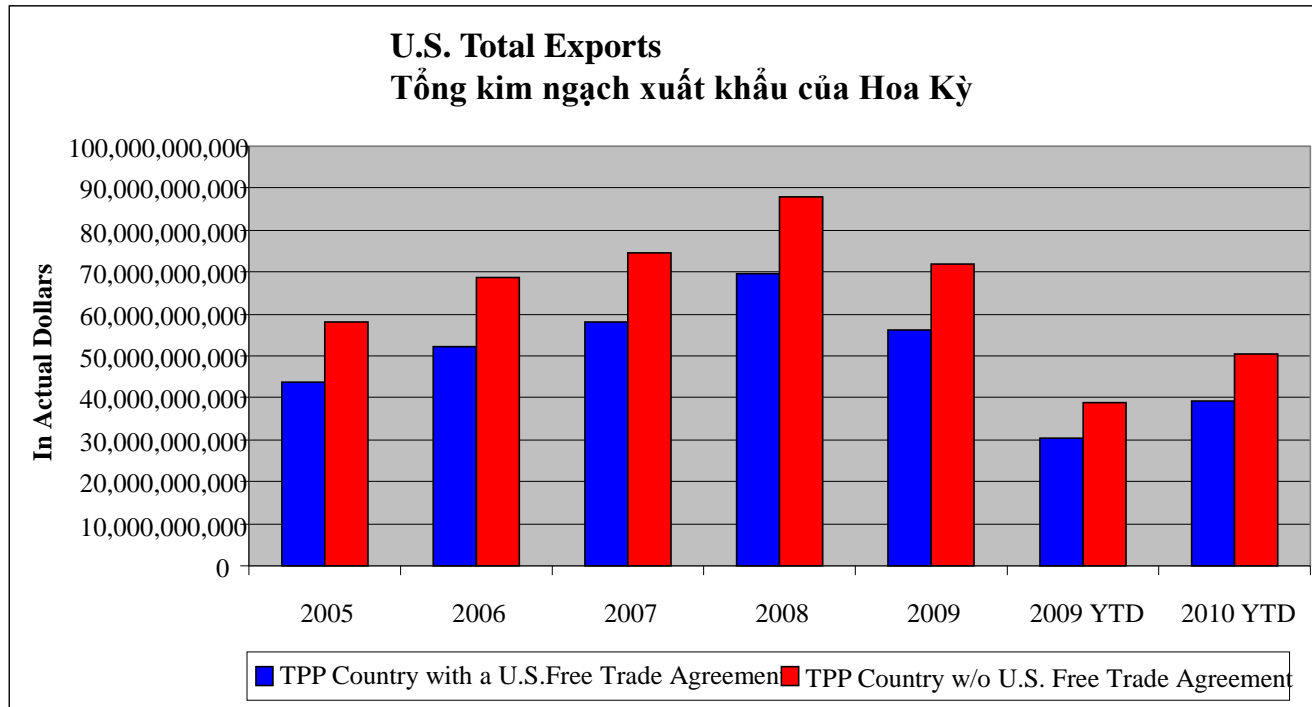
## VI. Cơ hội đối với các ngành xuất khẩu của Việt Nam

- ❖ Lợi ích từ giảm thuế/miễn thuế rất quan trọng đối với ngành giày dép và dệt may.
- ❖ Đã miễn thuế đối với thủy sản và đồ gỗ.

*Các slide tiếp theo thể hiện số liệu thống kê thương mại giữa các nước TPP, bao gồm cả số liệu thống kê thương mại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ*

## VII. Key Trade Statistics with TPP Countries

## VII. Thống kê Thương mại chủ yếu với các nước TPP



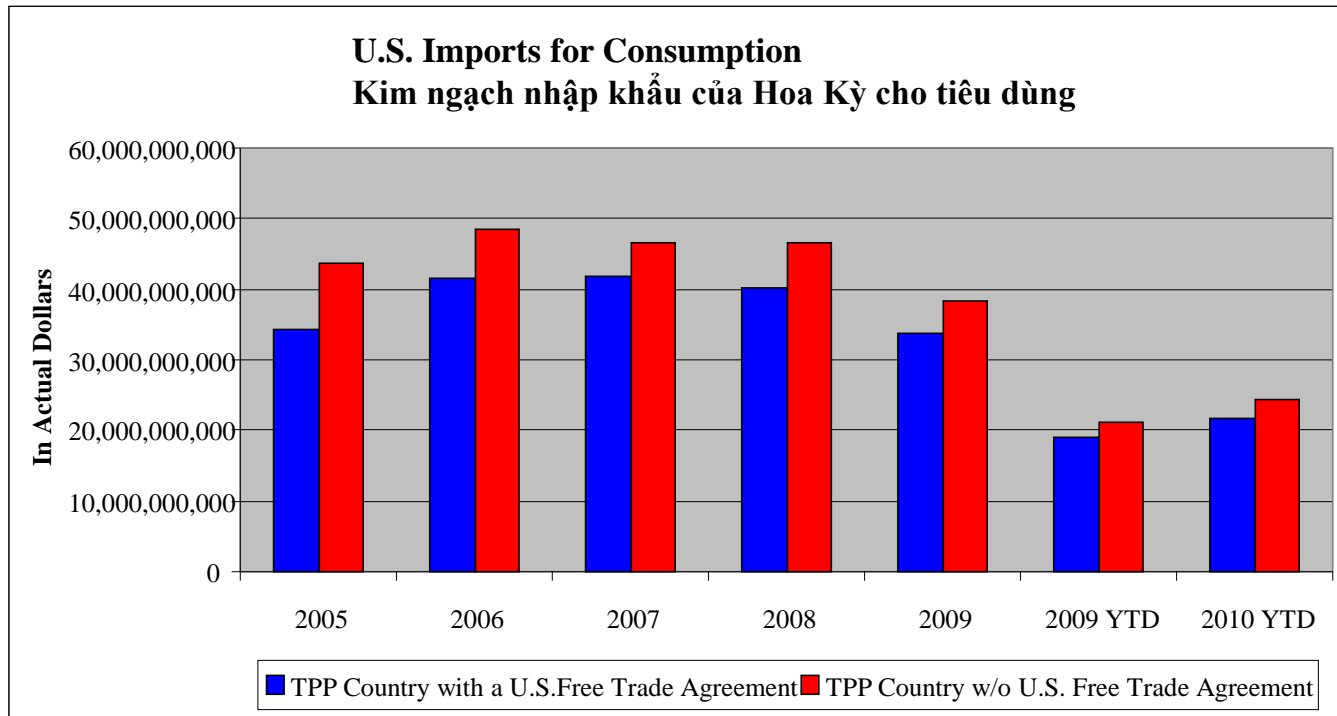
### U.S. Total Exports

Annual + Year-To-Date Data from Jan - Jul (In Actual Dollars)

	2005	2006	2007	2008	2009	2009 YTD	2010 YTD
TPP Country with a U.S. Free Trade Agreement	43,904,320,502	52,182,057,299	57,919,935,636	69,544,123,531	56,166,507,441	30,369,508,243	39,211,598,523
TPP Country w/o U.S. Free Trade Agreement	58,244,390,902	68,808,898,992	74,455,266,054	87,978,583,782	71,936,242,975	38,659,607,146	50,667,012,780

## VII. Key Trade Statistics with TPP Countries

## VII. Thống kê Thương mại chủ yếu với các nước TPP



### U.S. Imports for Consumption

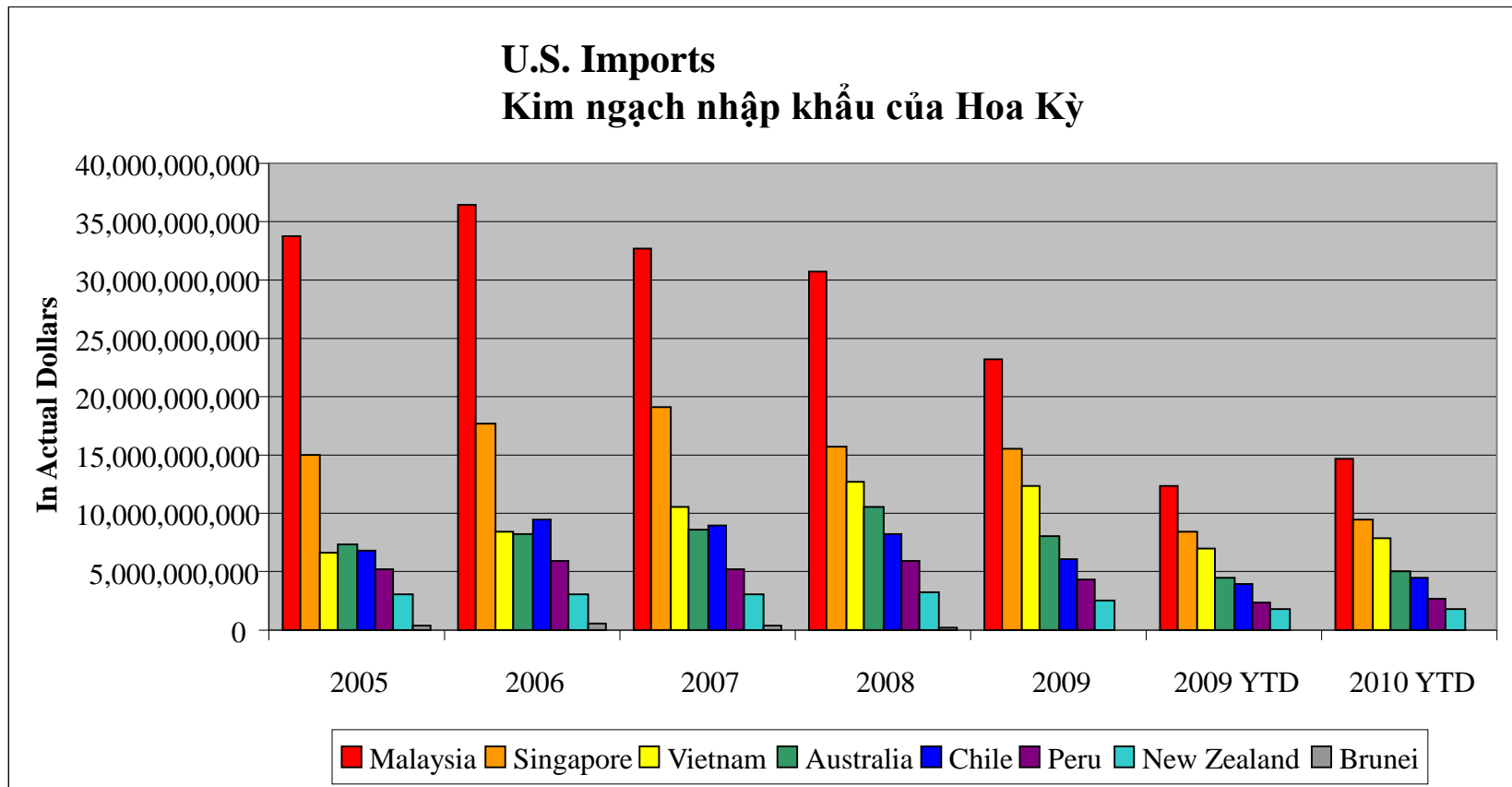
**Annual + Year-To-Date Data from Jan - Jul (In Actual Dollars)**

	2005	2006	2007	2008	2009	2009 YTD	2010 YTD
TPP Country with a U.S. Free Trade Agreement	34,311,595,640	41,442,235,505	41,890,099,019	40,275,487,484	33,867,512,689	19,058,663,346	21,673,530,126
TPP Country w/o U.S. Free Trade Agreement	43,697,228,083	48,497,303,660	46,730,887,691	46,517,425,696	38,196,123,614	21,030,668,003	24,290,629,718



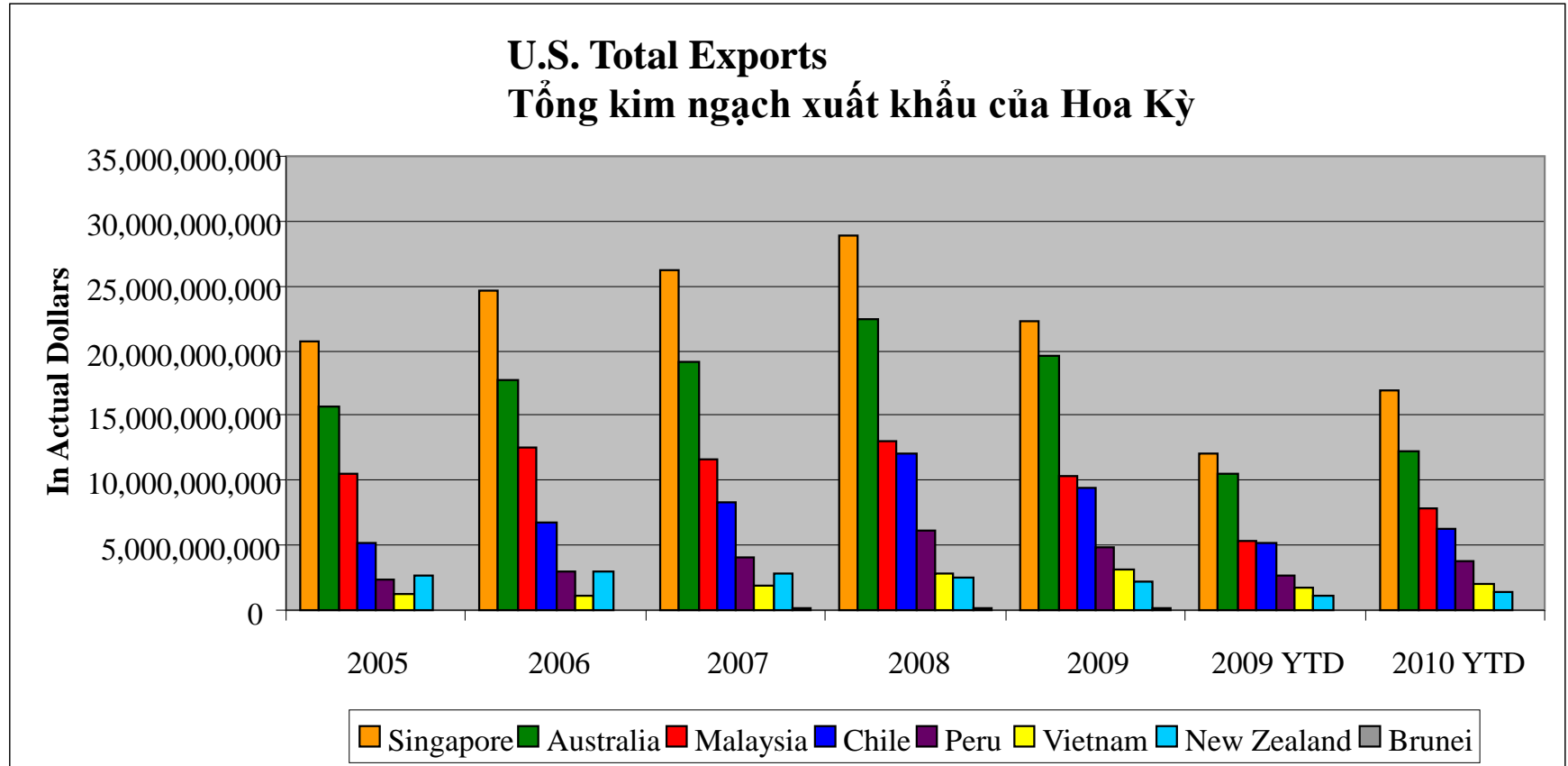
## VII. Key Trade Statistics with TPP Countries

### VII. Thống kê Thương mại chủ yếu với các nước TPP



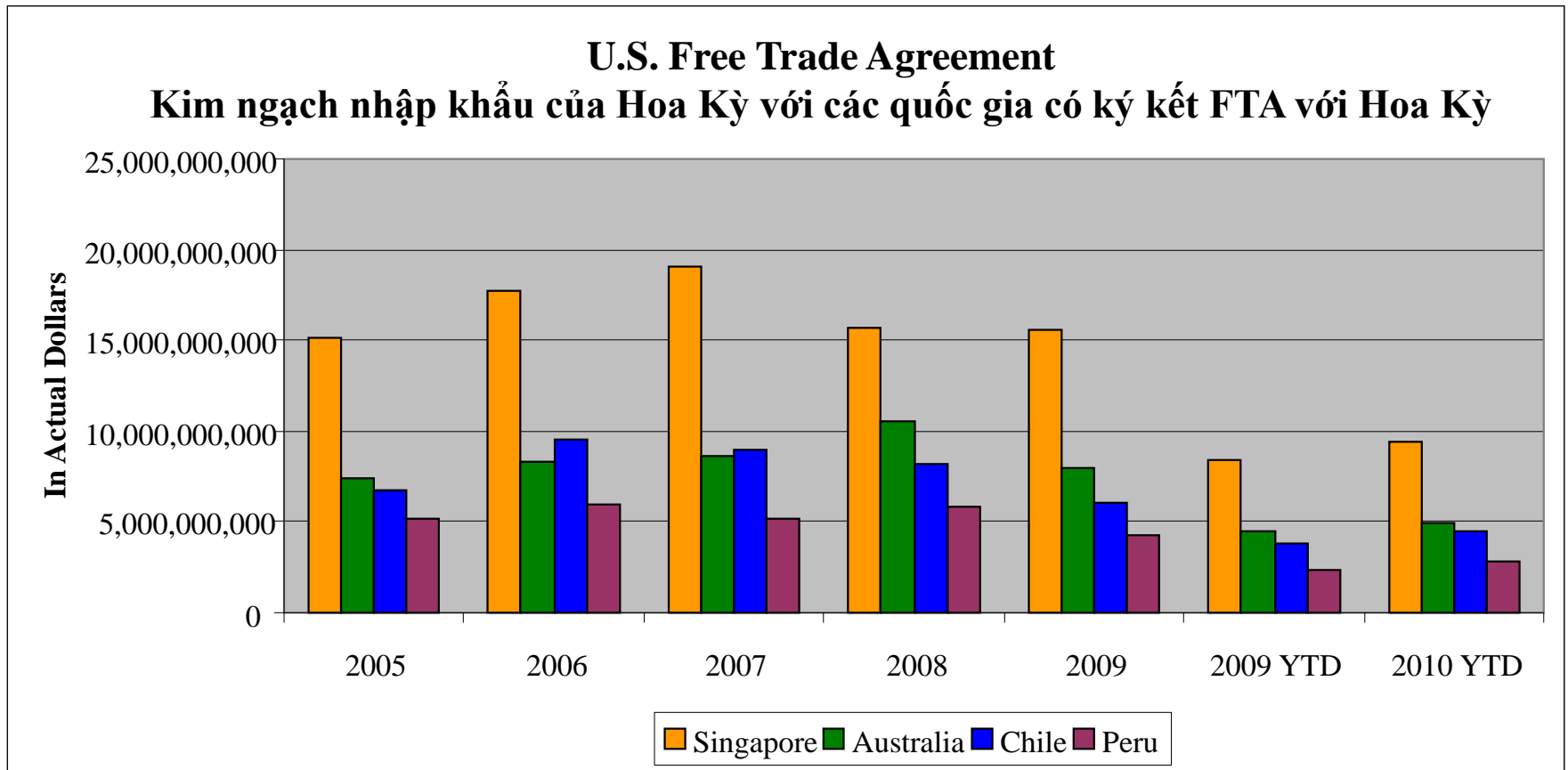
## VII. Key Trade Statistics with TPP Countries

## VII. Thống kê Thương mại chủ yếu với các nước TPP



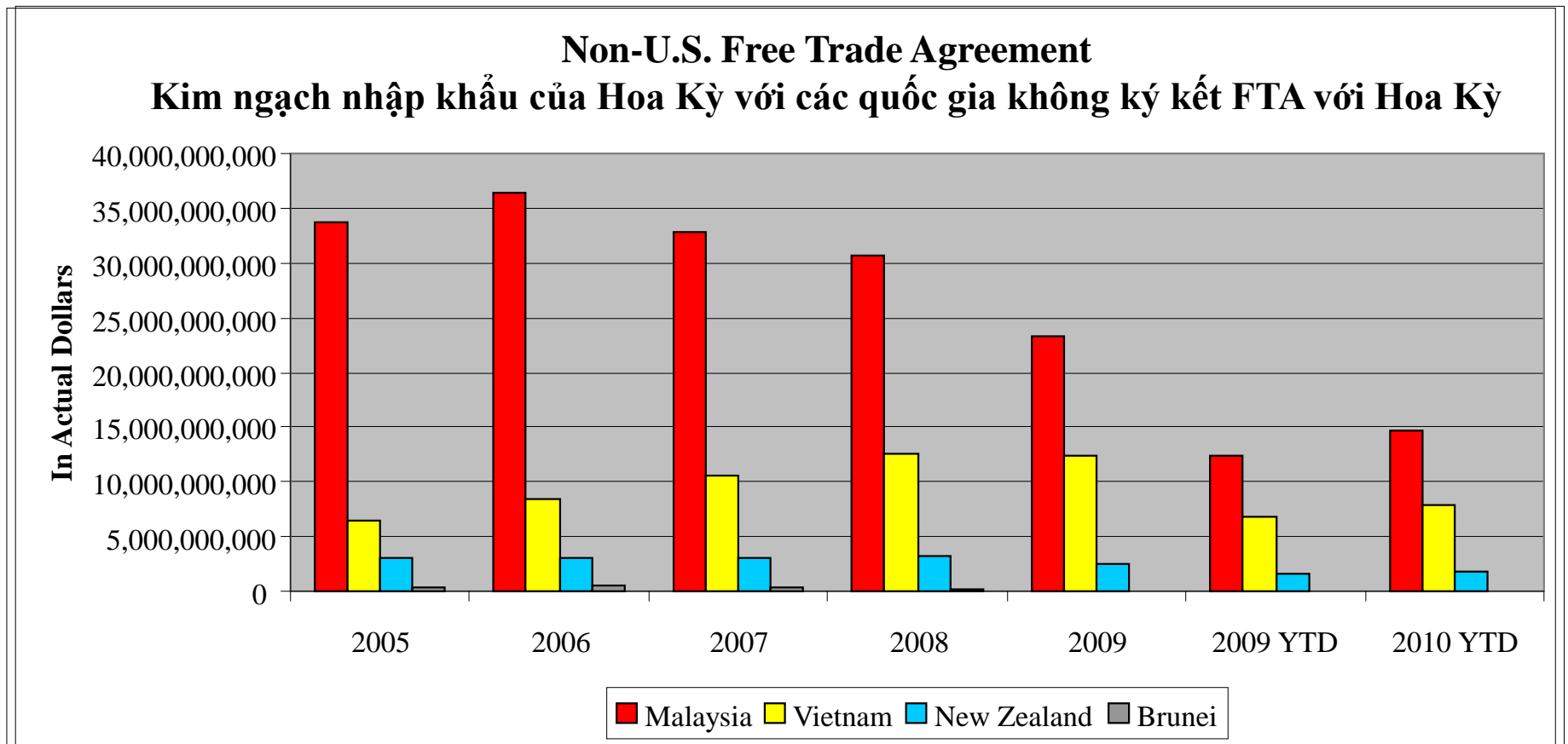
## VII. Key Trade Statistics with TPP Countries

## VII. Thống kê Thương mại chủ yếu với các nước TPP



## VII. Key Trade Statistics with TPP Countries

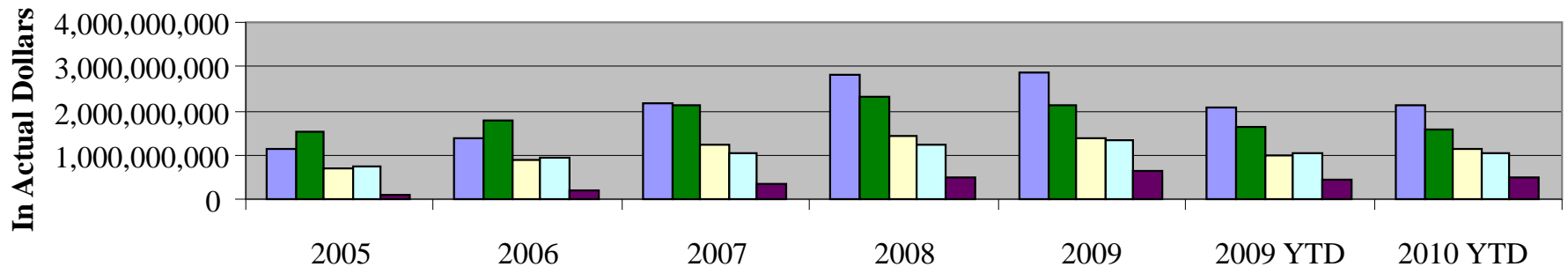
## VII. Thống kê Thương mại chủ yếu với các nước TPP



## VII. Key Trade Statistics with TPP Countries

## VII. Thống kê Thương mại chủ yếu với các nước TPP

### U.S. Imports [HTS2] Kim ngạch nhập khẩu của Hoa kỳ theo mã sản phẩm [HTS2]



■ HTS 61: ARTICLES OF APPAREL AND CLOTHING ACCESSORIES, KNITTED OR CROCHETED

■ HTS 62: ARTICLES OF APPAREL AND CLOTHING ACCESSORIES, NOT KNITTED OR CROCHETED

■ HTS: 94 FURNITURE; BEDDING, CUSHIONS ETC.; LAMPS AND LIGHTING FITTINGS NESOI; ILLUMINATED SIGNS, NAMEPLATES AND THE LIKE; PREFABRICATED BUILDINGS

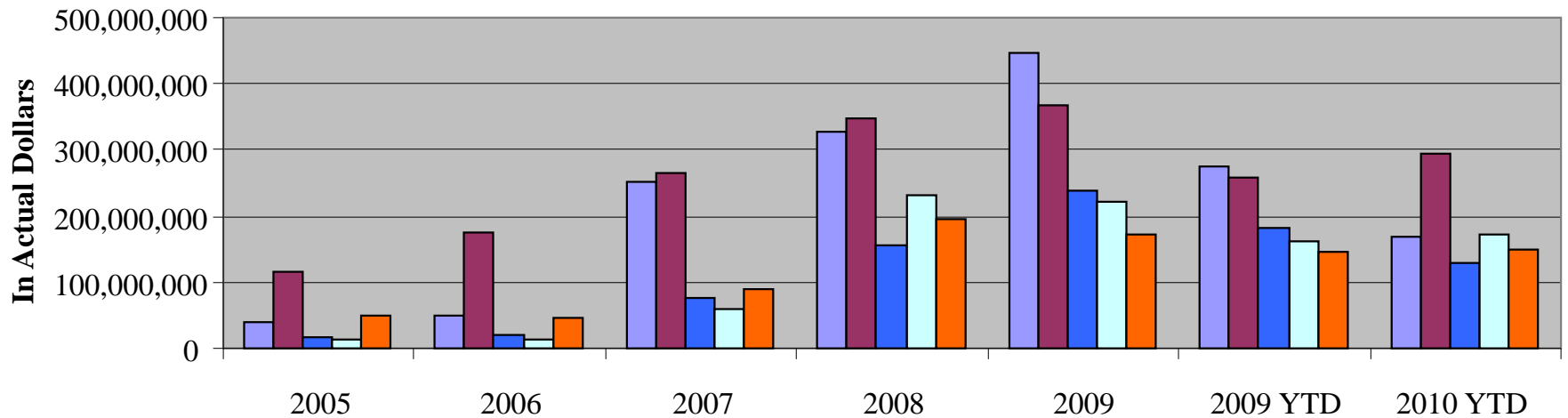
■ HTS 64: FOOTWEAR, GAITERS AND THE LIKE; PARTS OF SUCH ARTICLES

■ HTS 85: ELECTRICAL MACHINERY AND EQUIPMENT AND PARTS THEREOF; SOUND RECORDERS AND REPRODUCERS, TELEVISION RECORDERS AND REPRODUCERS, PARTS AND ACCESSORIES

## VII. Key Trade Statistics with TPP Countries

## VII. Thống kê Thương mại chủ yếu với các nước TPP

**U.S. Total Exports [HTS2]**  
**Tổng kim ngạch xuất khẩu theo mã sản phẩm [HTS2]**

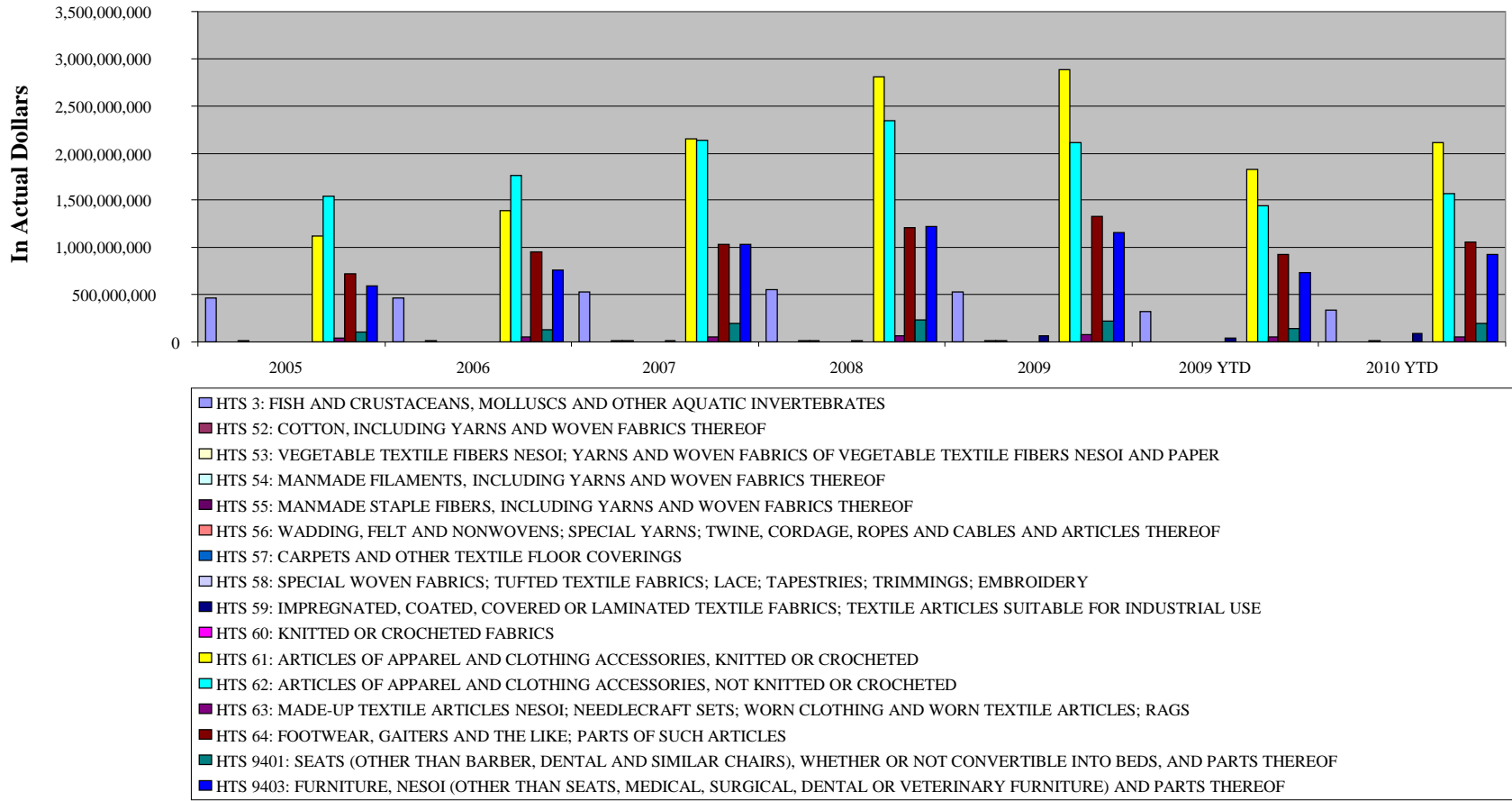


- HTS: 87 VEHICLES, OTHER THAN RAILWAY OR TRAMWAY ROLLING STOCK, AND PARTS AND ACCESSORIES THEREOF
- HTS 84: NUCLEAR REACTORS, BOILERS, MACHINERY AND MECHANICAL APPLIANCES; PARTS THEREOF
- HTS 72: IRON AND STEEL
- HTS: 2 MEAT AND EDIBLE MEAT OFFAL
- HTS: 52 COTTON, INCLUDING YARNS AND WOVEN FABRICS THEREOF

## VII. Key Trade Statistics with TPP Countries

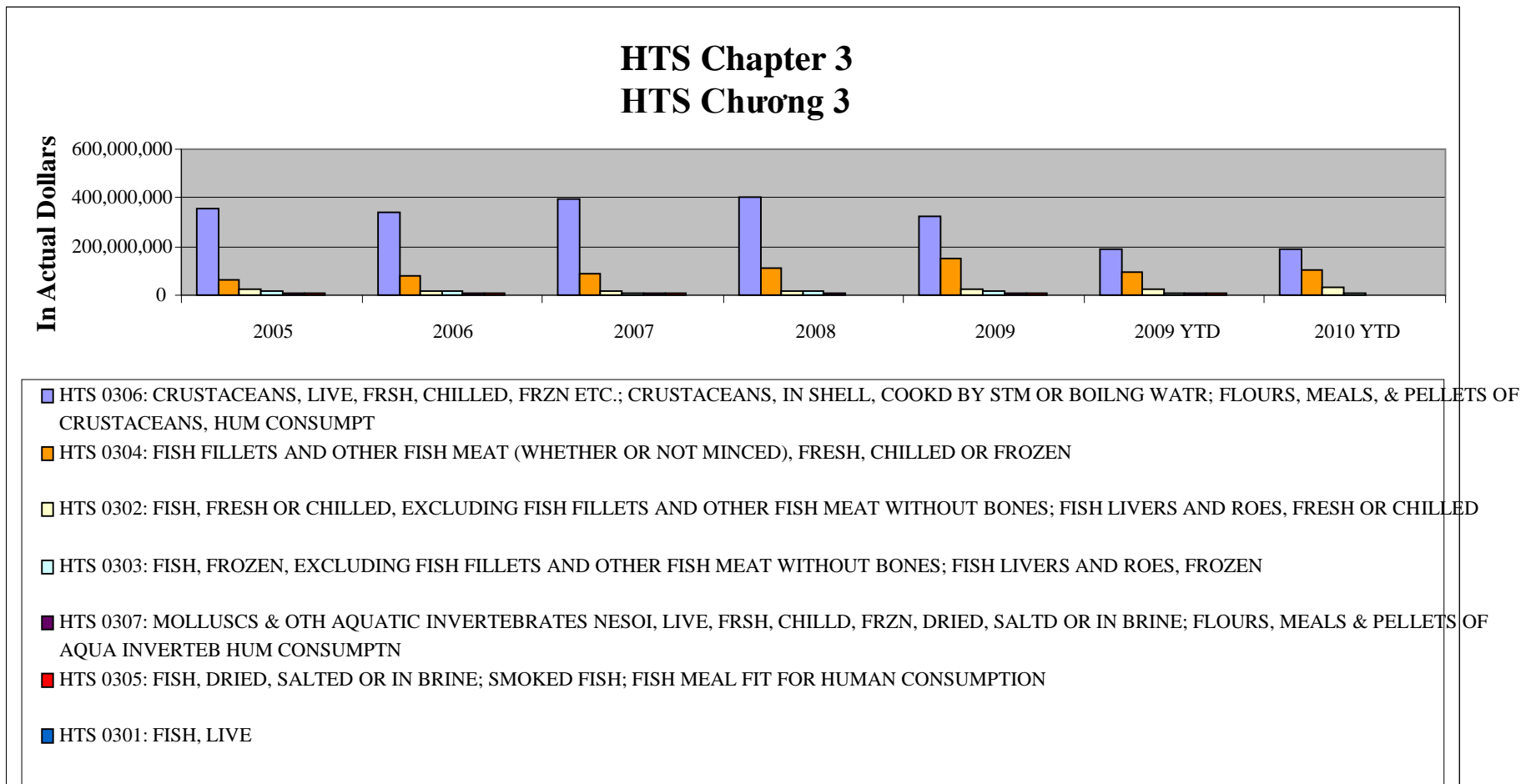
## VII. Thống kê Thương mại chủ yếu với các nước TPP

**U.S. Imports from Vietnam**  
**Kim ngạch nhập khẩu hàng Việt Nam của Hoa Kỳ**



## VII. Key Trade Statistics with TPP Countries

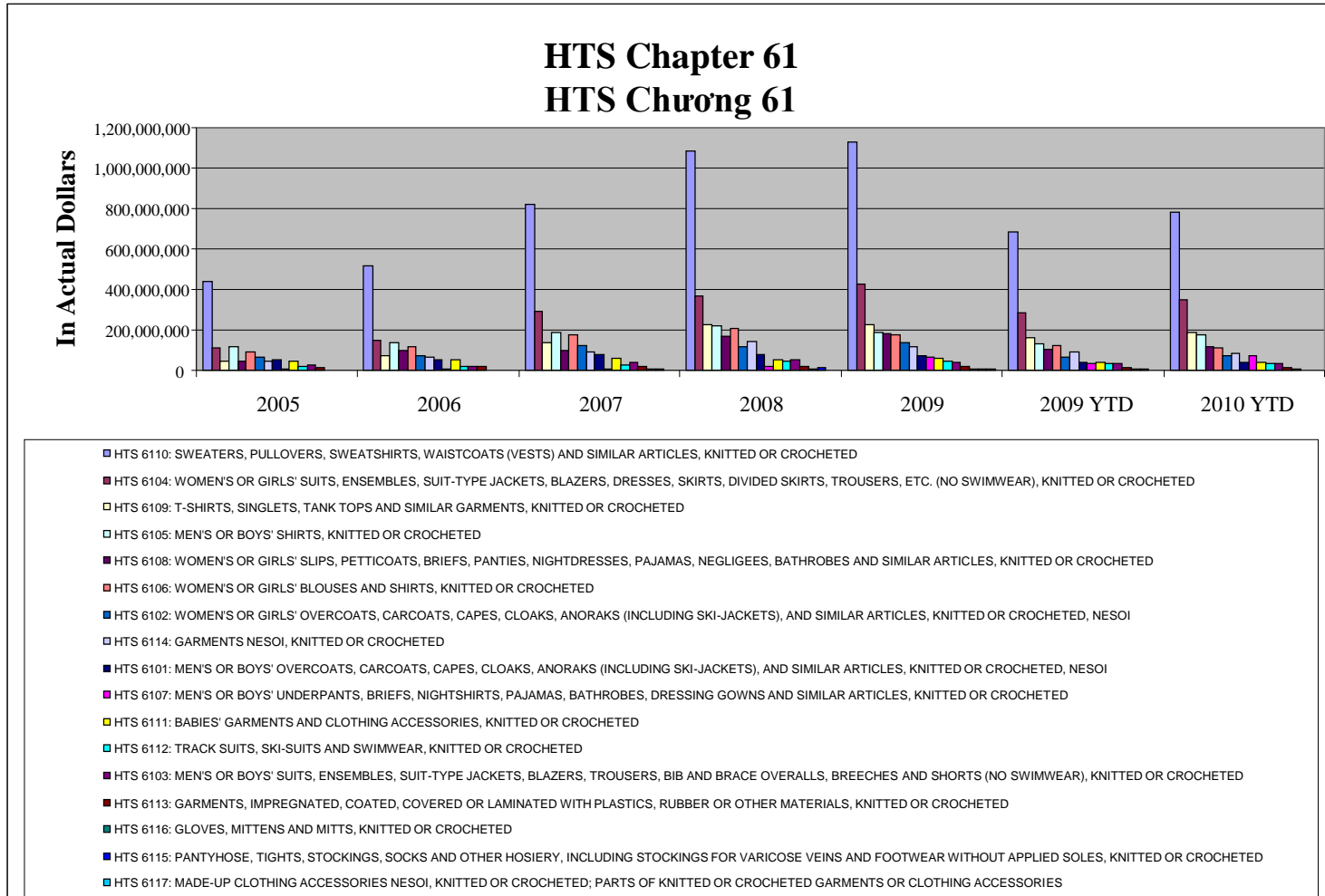
## VII. Thống kê Thương mại chủ yếu với các nước TPP





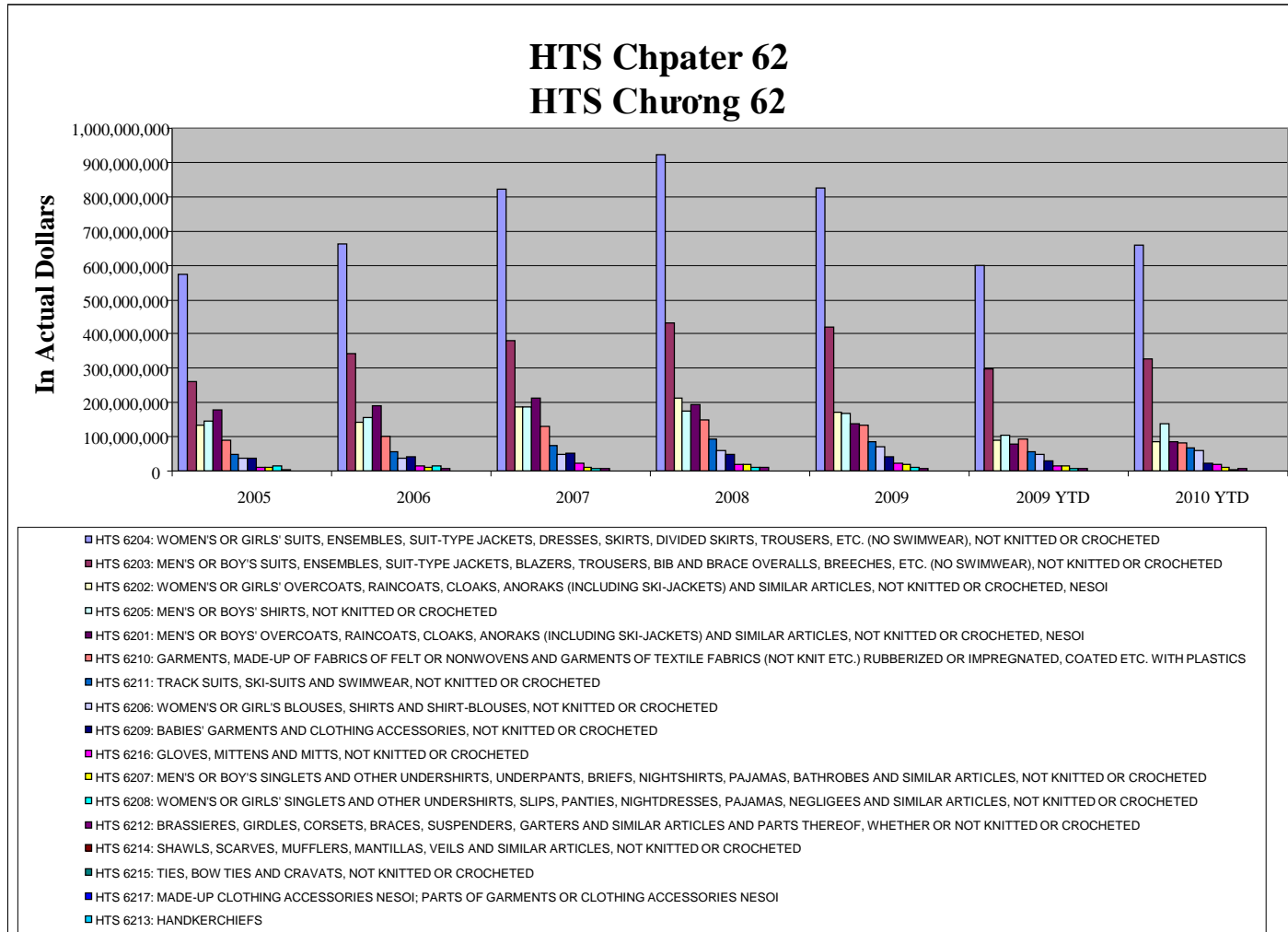
## VII. Key Trade Statistics with TPP Countries

## VII. Thống kê Thương mại chủ yếu với các nước TPP



# Trans-Pacific Partnership Negotiations

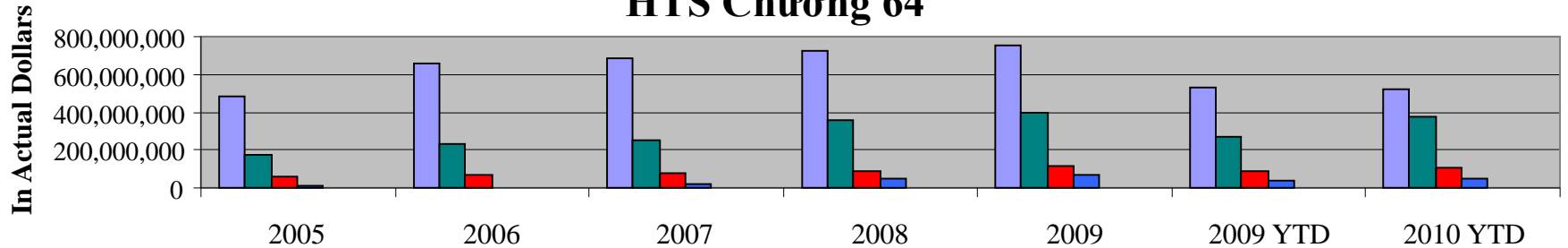
## Đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do Xuyên Thái Bình Dương (TPP)



# Trans-Pacific Partnership Negotiations

## Đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do Xuyên Thái Bình Dương (TPP)

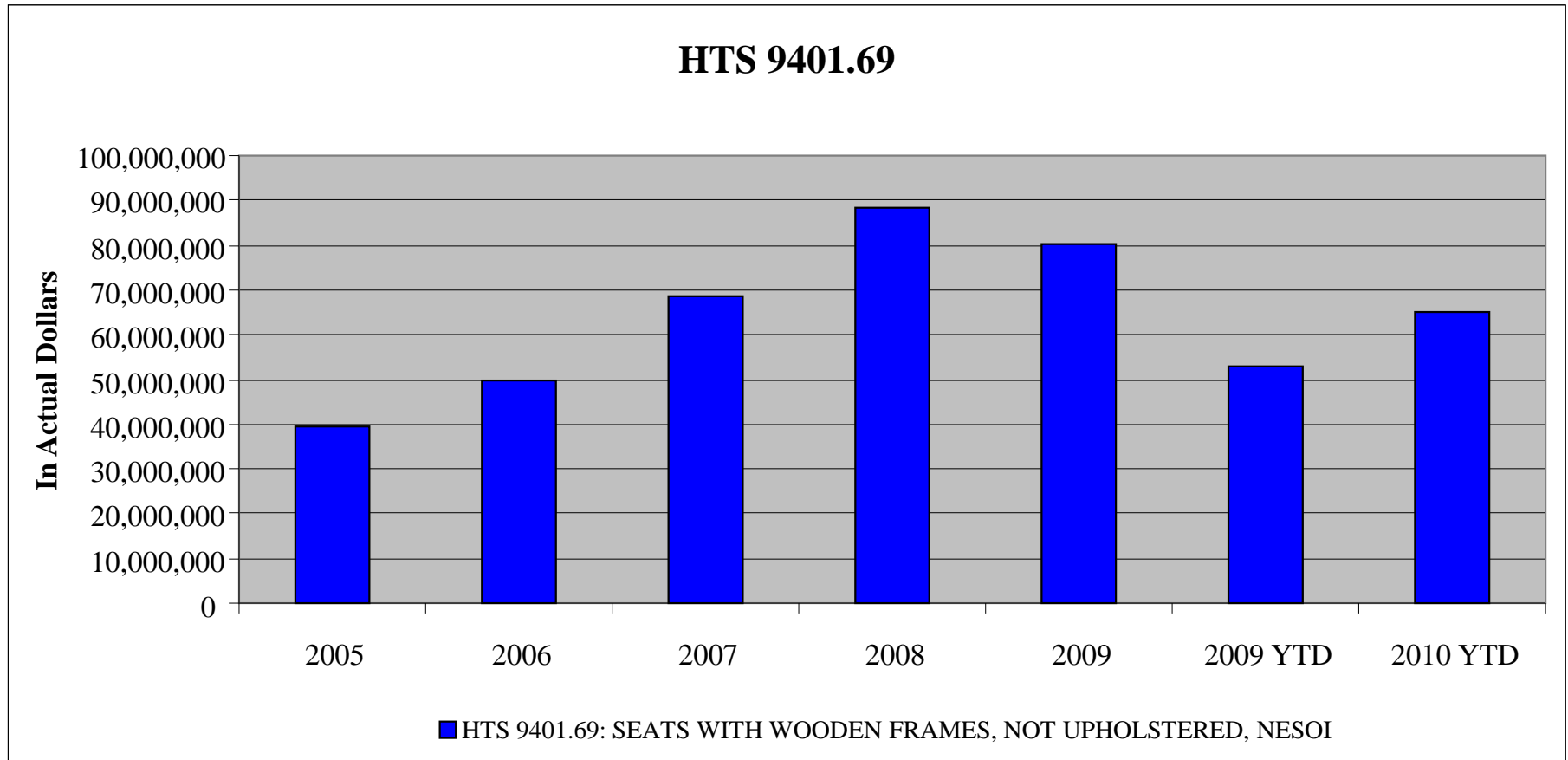
### HTS Chapter 64 HTS Chương 64



- HTS 6403: FOOTWEAR, WITH OUTER SOLES OF RUBBER, PLASTICS, LEATHER OR COMPOSITION LEATHER AND UPPERS OF LEATHER
- HTS 6402: FOOTWEAR, WITH OUTER SOLES AND UPPERS OF RUBBER OR PLASTICS, NESOI
- HTS 6404: FOOTWEAR, WITH OUTER SOLES OF RUBBER, PLASTICS, LEATHER OR COMPOSITION LEATHER AND UPPERS OF TEXTILE MATERIALS
- HTS 6405: FOOTWEAR NESOI
- HTS 6406: PARTS OF FOOTWEAR; REMOVABLE INSOLES, HEEL CUSHIONS AND SIMILAR ARTICLES; GAITERS, LEGGINGS AND SIMILAR ARTICLES, AND PARTS THEREOF
- HTS 6401: WATERPROOF FOOTWEAR WITH OUTER SOLES AND UPPERS OF RUBBER OR PLASTICS WHICH ARE FIXED TOGETHER BY BONDING OR SIMILAR PROCESSES

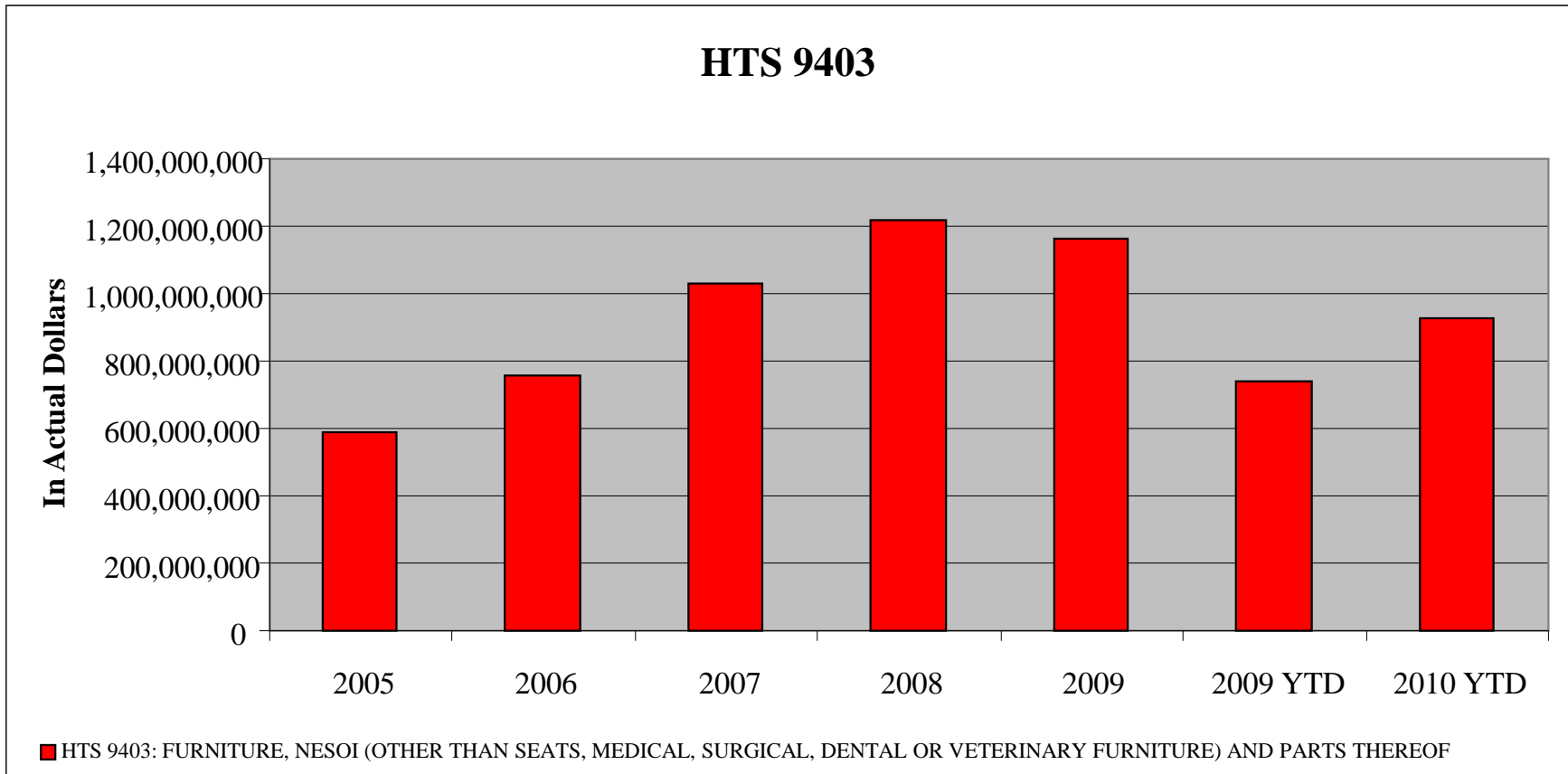
## VII. Key Trade Statistics with TPP Countries

### VII. Thống kê Thương mại chủ yếu với các nước TPP



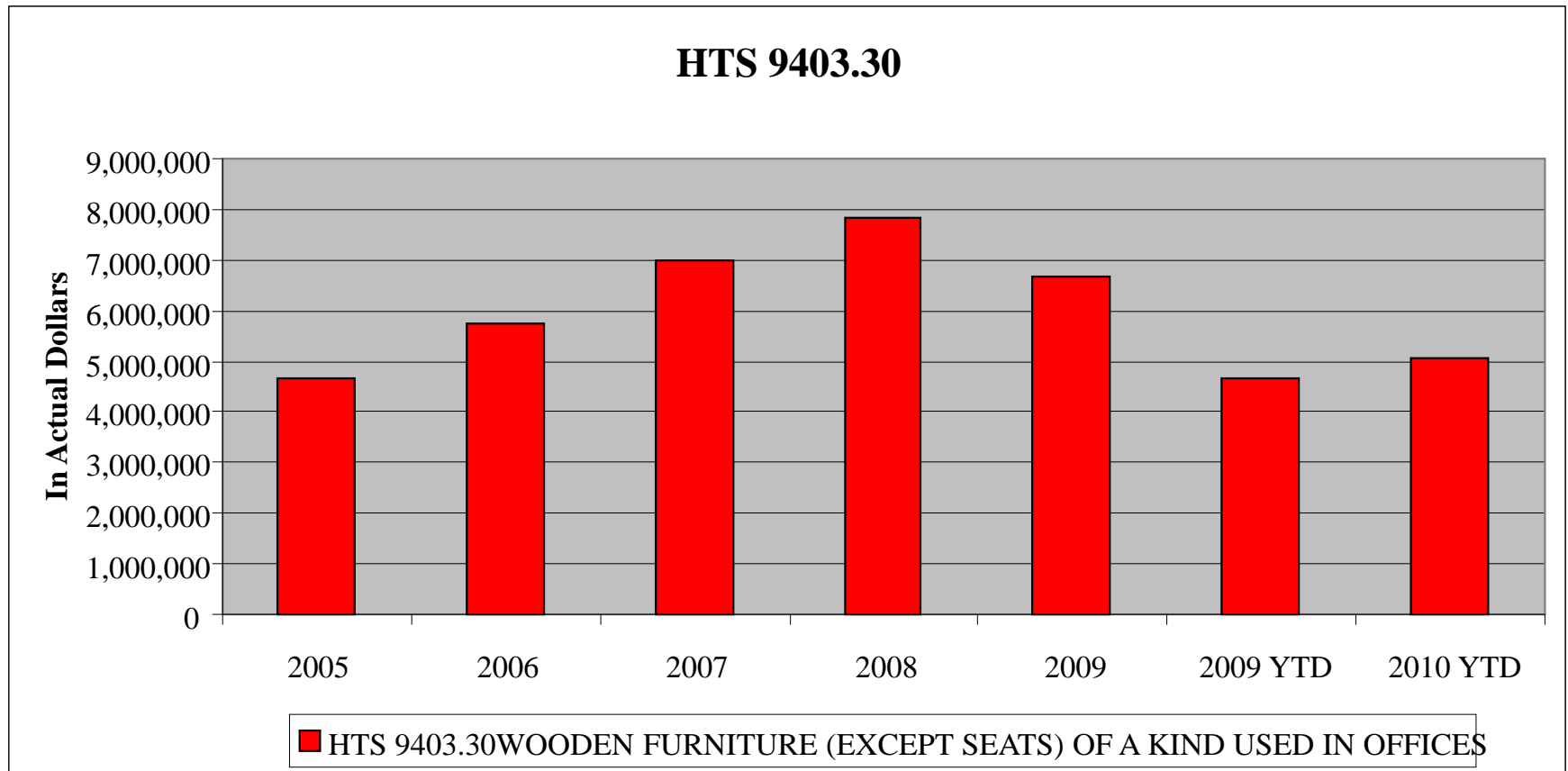
## VII. Key Trade Statistics with TPP Countries

## VII. Thống kê Thương mại chủ yếu với các nước TPP



## VII. Key Trade Statistics with TPP Countries

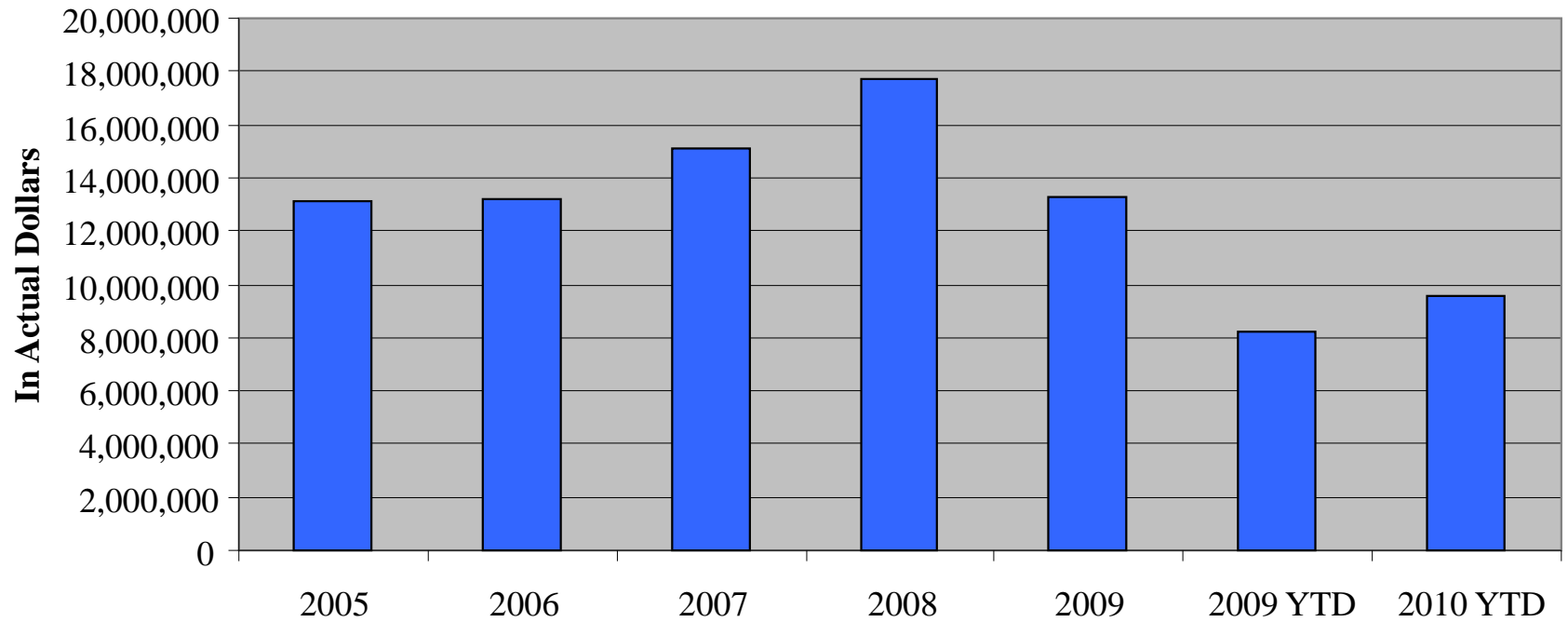
### VII. Thống kê Thương mại chủ yếu với các nước TPP



## VII. Key Trade Statistics with TPP Countries

## VII. Thống kê Thương mại chủ yếu với các nước TPP

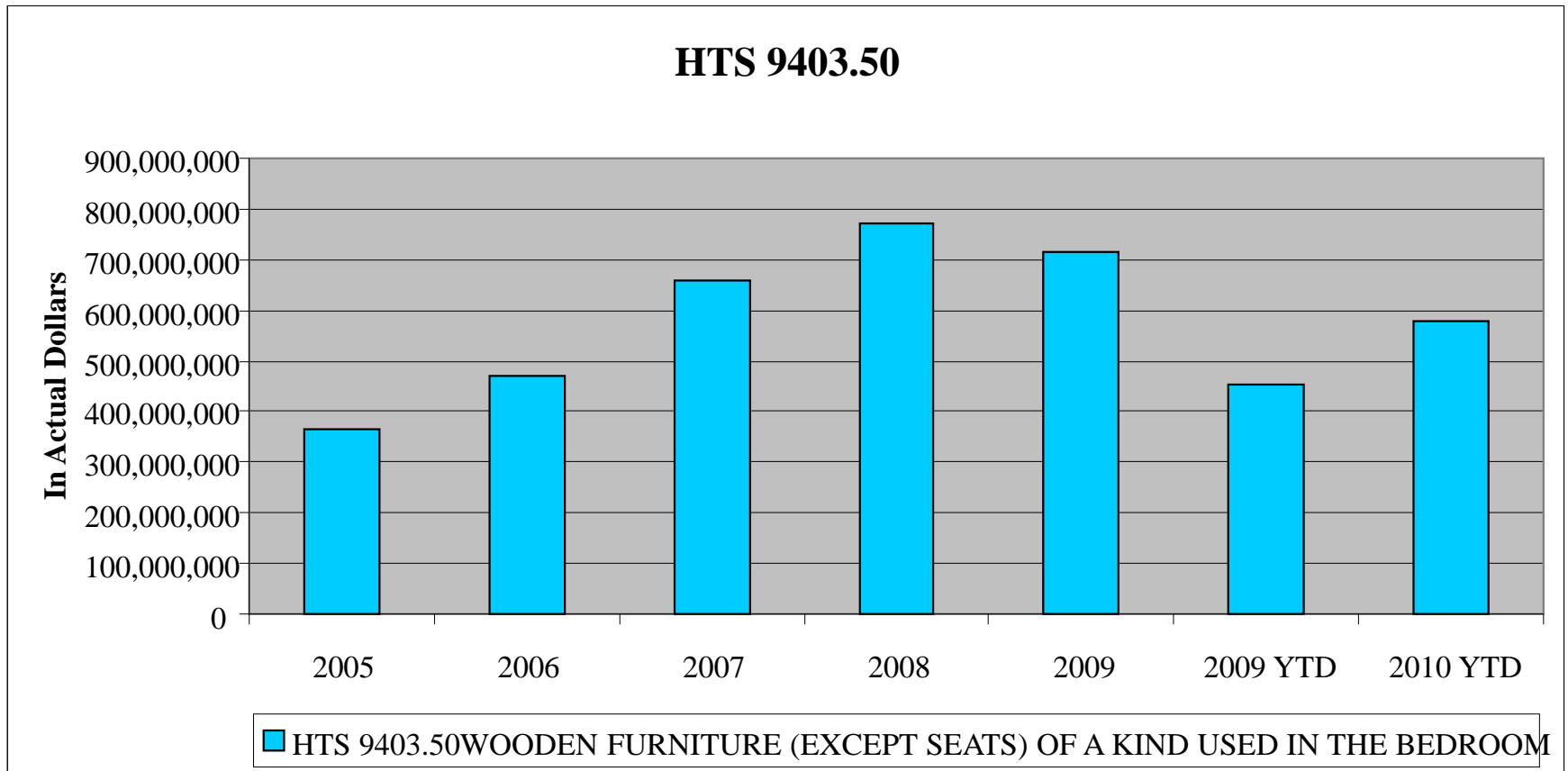
### HTS 9403.40



■ HTS 9403.40 WOODEN FURNITURE (EXCEPT SEATS) OF A KIND USED IN THE KITCHEN

## VII. Key Trade Statistics with TPP Countries

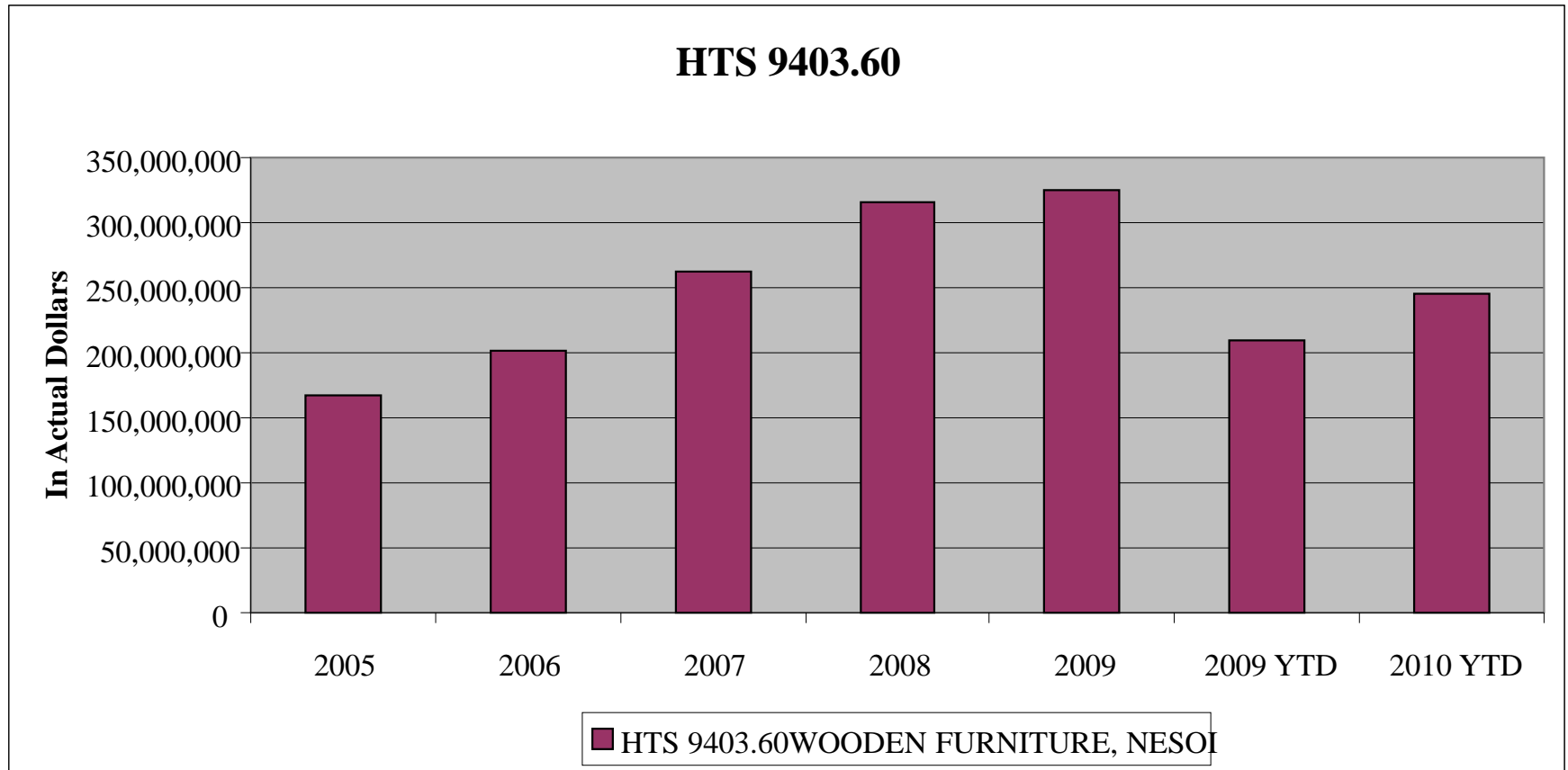
### VII. Thống kê Thương mại chủ yếu với các nước TPP





## VII. Key Trade Statistics with TPP Countries

## VII. Thống kê Thương mại chủ yếu với các nước TPP



# Trans-Pacific Partnership Negotiations

# Đàm phán Hiệp định Thương mại Xuyên Thái Bình Dương (TPP)

## VIII. Conclusions

- ❖ TPP offers Vietnam a “not to be missed” opportunity to link its economy to the U.S. and other TPP members
- ❖ Counter-balance to China’s regional influence
- ❖ TPP will yield benefits deep into the Vietnamese economy:
  - Goods (potential for huge increase in exports of footwear and apparel; furniture and aquaculture)

## VIII. Kết luận

- ❖ TPP đem đến một cơ hội “không thể bỏ lỡ” để Việt Nam có thể kết nối nền kinh tế của mình với Hoa Kỳ và các thành viên TPP khác
- ❖ Đối trọng lại ảnh hưởng Trung Quốc trong khu vực
- ❖ TPP sẽ mang lại lợi ích to lớn cho nền kinh tế Việt Nam trên các lĩnh vực:
  - Hàng hóa (tiềm năng tăng mạnh xuất khẩu da giày, quần áo, đồ gỗ, thủy sản)

## VIII. Conclusions

- Services
- Horizontal disciplines benefit Vietnam
  - regulatory coherence
  - SMEs
  - competition
  - Development
- ❖ Opportunity to influence future composition, scope and ambition of TPP

## VIII. Kết luận

- Các ngành dịch vụ
- Các lợi ích cho Việt Nam từ các vấn đề chung
  - Quy định chặt chẽ
  - Các doanh nghiệp nhỏ và vừa
  - Cạnh tranh
  - Phát triển
- ❖ Cơ hội để gây ảnh hưởng tới quy mô, kết cấu và tham vọng của TPP trong tương lai

## **VIII. Conclusions**

- ❖ Industry/business community support key for TPP success
  - Emphasize Vietnam's considerable offensive interests
  - Defensive interests will speak for themselves
- ❖ Not in Vietnam's interest to seek a two-tier agreement
  - Support high-standards, high-ambition agreement

## **VIII. Conclusions**

- ❖ Sự hậu thuẫn từ cộng đồng doanh nghiệp /ngành là chìa khóa cho thành công của TPP
  - Tập trung vào các lợi ích đáng kể của Việt Nam ở thị trường nước ngoài
  - Các nhóm lợi ích ở thị trường trong nước sẽ tự lên tiếng
- ❖ Việc tìm kiếm một hiệp định “hai tầng” sẽ không có lợi cho Việt Nam
  - Ủng hộ một hiệp định tiêu chuẩn cao với tham vọng lớn.

## **VIII. Conclusions**

- ❖ Opportunity for improved treatment in trade remedy measures
- ❖ Future graduation from NME to ME status
- ❖ Implementation challenges can be overcome:
  - political will
  - transition periods
  - capacity building assistance/outside resources.

## **VIII. Kết luận**

- ❖ Cơ hội cải thiện các vấn đề liên quan tới biện pháp phòng vệ thương mại
- ❖ Cơ hội “tốt nghiệp” từ nền kinh tế phi thị trường sang nền kinh tế thị trường trong tương lai
- ❖ Những thách thức trong thực thi có thể vượt qua bằng:
  - Ý chí chính trị
  - Thời kỳ quá độ
  - Hỗ trợ xây dựng năng lực/các nguồn lực bên ngoài.

# Thank You

---

Jay L. Eizenstat, Esq.

202-626-1584

[jeizenstat@milchev.com](mailto:jeizenstat@milchev.com)